

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 433/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 24 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Sa Pa đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 46/2008/QĐ-TTg ngày 31/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn chi tiết lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của UBND huyện Sa Pa tại Tờ trình số 295/TTr-UBND ngày 31/12/2010 và ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 30/BC-SKH ngày 20/01/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sa Pa đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỦ ĐẠO PHÁT TRIỂN

- Ưu tiên đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng dịch vụ - du lịch; lấy du lịch là định hướng phát triển chủ đạo.

- Nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo sức hấp dẫn trong thu hút các nhà đầu tư, nhanh chóng nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nhất là mạng lưới giao thông, hệ thống thủy lợi.

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế đi liền với chất lượng tăng trưởng và tiến bộ công bằng xã hội; giảm bớt sự chênh lệch về mức sống giữa các tầng lớp dân cư và giữa các địa phương.

- Đặt sự phát triển trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh quốc tế; trong sự hợp tác chặt chẽ với các huyện, thành phố trong tỉnh để phát triển kinh tế có chất lượng và hiệu quả cao.

- Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái.

- Ưu tiên nguồn lực của ngân sách nhà nước để phát triển nông, lâm nghiệp và nông thôn. Xây dựng nông thôn mới là trọng tâm trong định hướng phát triển nông nghiệp của huyện.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và củng cố an ninh - quốc phòng, củng cố hệ thống chính trị và nền hành chính vững mạnh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2020, Sa Pa trở thành huyện phát triển hàng đầu của tỉnh Lào Cai và loại khá của cả nước; thị trấn Sa Pa được mở rộng, phát triển trở thành đô thị loại IV, trở thành thị xã trực thuộc tỉnh vào năm 2015 và được công nhận là trung tâm du lịch cấp quốc gia, là trung tâm kinh tế, văn hóa lớn, đô thị hiện đại của tỉnh; trở thành địa bàn quan trọng về giao lưu kinh tế, phát triển du lịch, tiêu thủ công nghiệp của tỉnh; các vấn đề văn hóa - xã hội được giải quyết tốt, môi trường sinh thái được bảo vệ, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, chính trị ổn định.

2. Mục tiêu chủ yếu

2.1. Mục tiêu kinh tế:

- Tổng sản phẩm (TSP)/người năm 2015 đạt 31,8 triệu đồng, năm 2020 đạt 66,7 triệu đồng.

- Tăng trưởng bình quân TSP giai đoạn 2011 - 2015 đạt 16%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 14%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng VA của từng khu vực:

+ Khu vực công nghiệp - xây dựng: Đạt 18,5%/năm và 15%/năm ở từng giai đoạn phát triển.

+ Khu vực nông, lâm, thủy sản: Đạt 6,2%/năm và 4%/năm ở từng giai đoạn phát triển.

+ Khu vực dịch vụ: Đạt 18,2%/năm và 15,5%/năm ở từng giai đoạn phát triển.

- Đến năm 2015, cơ cấu kinh tế công nghiệp, xây dựng - nông, lâm và thủy sản - dịch vụ có tỷ trọng trong VA là 21,5% - 21,5% - 57,0%, đến năm 2020 tỷ trọng tương ứng là 25,4% - 14,3% - 60,7%.

2.2. Các mục tiêu về xã hội:

- Giai đoạn 2011 - 2015, tỷ lệ giảm sinh đạt 1,2‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 1,8‰/năm; giai đoạn 2016 - 2020 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 1,74‰/năm. Năm 2020 dân số của huyện đạt 70.304 người.

- Tốc độ tăng tỷ lệ dân số đô thị bình quân 15,5‰/năm và 6,5‰/năm ở từng giai đoạn phát triển; tỷ lệ dân số đô thị năm 2015 là 34,3%, năm 2020 là 40%.

- Tỷ lệ nghèo theo chuẩn mới hiện hành năm 2015 còn dưới 30%; đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo dưới 5%.

- Tạo việc làm mới bình quân giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 1.000 lao động/năm; giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 1.200 lao động/năm.

- Năm 2015: Trên 95% số hộ có điện; và đạt 100% số hộ có điện sau năm 2016.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề năm 2015 đạt trên 25%; năm 2020 đạt trên 43%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng năm 2015 giảm xuống còn dưới 25%; đến năm 2020 giảm còn dưới 15%.

- Công tác an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2.3. Mục tiêu môi trường:

- Môi trường được giữ vững, không còn tình trạng ô nhiễm ở các cụm TTCN, các đô thị, làng nghề.

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2015 là 71,5%; đến năm 2020 là 73%.

- Đến năm 2015, 100% dân cư thành thị được sử dụng nước sạch; trên 90% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; đến năm 2020 phấn đấu 100% dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

- Đến năm 2015, 100% nước thải đô thị được thu gom và xử lý qua hệ thống xử lý tập trung; trên 90% chất thải rắn, chất thải y tế được thu gom xử lý; đến năm 2020, 100% chất thải rắn, chất thải y tế được thu gom và xử lý.

- Bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn và tôn tạo.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ QUY HOẠCH CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Các ngành dịch vụ

* Mục tiêu phát triển:

- Giai đoạn 2011 - 2015, tăng trưởng VA toàn ngành dịch vụ đạt 18,5‰/năm; tăng trưởng tổng doanh thu thương mại đạt 23‰/năm; doanh thu từ dịch vụ du lịch đạt 21,5‰/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020, tăng trưởng VA toàn ngành dịch vụ đạt 15,5%/năm; tăng trưởng tổng doanh thu thương mại đạt 18,5%/năm; doanh thu từ dịch vụ du lịch đạt 17,2%/năm.

* Phương hướng phát triển:

- Ưu tiên đầu tư vào những ngành dịch vụ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm: Du lịch, thương mại, thông tin liên lạc, tài chính, giáo dục.

- Phương hướng phát triển cơ cấu nội ngành dịch vụ của Sa Pa trong từng giai đoạn phát triển như sau:

+ Giai đoạn 2011 - 2015, tăng cường phát triển dịch vụ du lịch; các loại hình dịch vụ hỗ trợ, phục vụ sự phát triển du lịch và các ngành tiểu thủ công nghiệp và xã hội, đó là: Vận tải, thương mại, tài chính.

+ Giai đoạn 2016 - 2020, tập trung vào các ngành dịch vụ chủ đạo có cơ hội tăng cường vị thế cạnh tranh trên các lĩnh vực du lịch, thương mại, giáo dục và đào tạo, thông tin liên lạc.

* Nhiệm vụ và giải pháp phát triển:

- Về du lịch: Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch, khai thác tối đa lợi thế về phát triển du lịch tại Sa Pa; tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch; đẩy mạnh hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, giới thiệu hình ảnh và con người Sa Pa với các nhà đầu tư, du khách trong và ngoài nước. Phát triển du lịch gắn liền với việc bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá, cảnh quan, môi trường sinh thái. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động du lịch.

- Dịch vụ thương mại: Tập trung thế mạnh về phát triển du lịch để kích thích các loại hình dịch vụ khác phát triển; đầu tư phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ hoạt động du lịch từ huyện tới các trung tâm xã; ưu tiên đầu tư xây dựng trung tâm thương mại hiện đại và mạng lưới chợ ở thị trấn, trung tâm cụm xã, trung tâm xã.

+ Đối với khu vực đô thị: Nâng cấp, đầu tư phát triển hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cửa hàng; hình thành các trung tâm thương mại, các chợ văn hóa tại các trung tâm cụm xã có lợi thế về phát triển du lịch. Đến năm 2015, đầu tư xây dựng mới, nâng cấp và hoàn thiện các chợ: Sa Pa, Bản Dền, Thanh Phú, chợ hoa Sa Pa, chợ đêm Sa Pa, Tả Phìn; đến năm 2020, đầu tư xây dựng các chợ cho những cụm xã chưa có chợ Bản Khoang, Tả Van.

+ Đối với khu vực nông thôn, vùng sâu: củng cố và hình thành hệ thống dịch vụ thương mại nông thôn bao gồm mạng lưới chợ, cửa hàng và các hợp tác xã dịch vụ thương mại; chú trọng phát triển các chợ đầu mối tiêu thụ nông sản, chợ trung tâm xã; phát triển các chợ vùng sâu, vùng xa gắn với yêu cầu giao lưu văn hoá của đồng bào dân tộc.

+ Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, dịch vụ và đầu tư, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm.

2. Ngành công nghiệp - xây dựng

* Mục tiêu phát triển:

- Giai đoạn 2011 - 2015, tăng trưởng VA ngành CN - XD bình quân đạt trên 18,5%/năm; trong đó tăng trưởng VA công nghiệp khai thác khoáng sản đạt 6,5%/năm; công nghiệp chế biến đạt tốc độ tăng trưởng 13%/năm; sản xuất và phân phối điện nước đạt 15%/năm; ngành xây dựng đạt 19,1%/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020, tăng trưởng VA ngành CN - XD bình quân đạt trên 15%/năm; trong đó tăng trưởng VA công nghiệp khai thác khoáng sản đạt 3%/năm; công nghiệp chế biến đạt tốc độ tăng trưởng 7,5%/năm; sản xuất và phân phối điện nước đạt 8,5%/năm; ngành xây dựng đạt 15,8%/năm.

* Phương hướng phát triển:

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nguyên liệu tại chỗ như tiểu thủ công nghiệp; chế biến nông, lâm và thủy sản; vật liệu xây dựng.

- Phát triển thủy điện một cách hợp lý, đảm bảo bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Thu hút đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng các cụm TTCN phục vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề gắn với quá trình đô thị hoá.

- Khai thác có hiệu quả công suất các cơ sở công nghiệp hiện có trên địa bàn huyện; tăng cường các hoạt động xúc tiến, quảng bá, mở rộng thị trường cho các sản phẩm.

- Chú trọng sự phát triển bền vững, giải quyết tốt các vấn đề về an toàn môi trường ngay trong công tác quy hoạch và điều hành để có được sự phát triển bền vững, không để xảy ra các sự cố môi trường sinh thái.

* Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

- Đầu tư phát triển, gìn giữ và phát huy các ngành tiểu thủ công nghiệp truyền thống theo làng nghề.

- Sử dụng quy trình công nghệ đồng bộ để đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm; đăng ký thương hiệu hàng hóa cho các sản phẩm nông sản của các làng nghề; mẫu mã bao bì hấp dẫn...

- Khuyến khích đầu tư chiều sâu về công nghệ cho những cơ sở sản xuất hiện có; mở rộng phát triển thêm các mặt hàng như túi, cặp sách, giày da; phát huy thế mạnh của huyện về chăn nuôi gia súc lấy da làm nguyên liệu cho ngành sản xuất giày dép, đồ da.

- Đối với khai thác và chế biến khoáng sản: Triển khai hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản có hiệu quả ở các điểm mỏ trên địa bàn huyện, có kế hoạch sử dụng đất hợp lý để không ảnh hưởng đến việc khai thác sau này.

- Đối với công nghiệp cơ khí:

+ Phát triển nghề sản xuất, sửa chữa các mặt hàng cơ khí nhỏ; dịch vụ lắp đặt điện tử, điện lạnh, các cơ sở sửa chữa nhỏ tại các thị trấn, thị tứ, trung tâm cụm xã để đáp ứng tốt cho nhu cầu tại chỗ của người dân.

+ Quy hoạch xây dựng tại thị trấn, thị tứ từ 1 - 2 cơ sở cơ khí nhỏ làm nòng cốt cho sản xuất cơ khí nhỏ và dịch vụ sửa chữa cơ khí tại huyện.

+ Hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp ở các khâu làm đất, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản nông, lâm, thủy sản sau thu hoạch, nhất là các nông đặc sản phục vụ du lịch và xuất khẩu.

+ Chú trọng vào đầu tư cải tạo, mở rộng, đổi mới thiết bị để nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm tại các cơ sở sản xuất cơ khí đang hoạt động trên địa bàn huyện.

- Đối với công nghiệp chế biến nông, lâm sản:

+ Thực hiện các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn hình thành một số vùng nguyên liệu quy mô vừa và lớn tạo đầu vào cho chế biến nông, lâm sản.

+ Đối với sản xuất đồ gỗ: Phát triển theo hướng sản xuất các mặt hàng chất lượng chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng tại chỗ; đi sâu vào phát triển các sản phẩm gỗ thủ công, các sản phẩm trang trí nội thất có giá trị sử dụng cao và tính thẩm mỹ sử dụng gỗ rừng trồng; khuyến khích mở rộng các xưởng mộc hiện có đi lên sản xuất các mặt hàng cao cấp.

+ Đầu tư mở rộng các cơ sở chế biến gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu.

- Đối với công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng (VLXD):

+ Tập trung phát triển ngành công nghiệp khai thác đá ở các mỏ đá khu vực Ô Quý Hồ, Nậm Sài, Bản Khoang, Tả Giàng Phìn.

+ Đánh giá trữ lượng và triển khai hoạt động khai thác đá non phục vụ cho sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ từ đá.

+ Quy hoạch, khai thác cát, sỏi tại các xã Thanh Phú, San Sả Hồ, Sa Pả phục vụ xây dựng dân dụng.

3. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

* Mục tiêu phát triển:

- Giai đoạn 2011 - 2015, tốc độ tăng trưởng VA và GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 4,5%/năm và 4,4%/năm, trong đó, tăng trưởng VA ngành nông, lâm nghiệp đạt 4,1%/năm và VA ngành thủy sản đạt 14,5%/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng trưởng VA và GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 4%/năm và 4,1%/năm, trong đó, tăng trưởng VA ngành nông, lâm nghiệp đạt 3,5%/năm và ngành thủy sản đạt 12,5%/năm.

* Phương hướng phát triển:

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, giảm tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trên cơ sở phát triển chăn nuôi làm mũi nhọn trong chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.

- Phát triển song song nông nghiệp truyền thống và nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao.

- Trong trồng trọt: Quy hoạch và ổn định vùng sản xuất lúa, ngô bảo an ninh lương thực và phục vụ cho phát triển chăn nuôi tại chỗ, phát triển vùng sản xuất chuyên canh tập trung, quy mô lớn đối với loại cây trồng có giá trị kinh tế gắn với công nghệ chế biến.

- Trong chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi đại gia súc, trong đó thực hiện quy hoạch vùng chăn nuôi, chuyển nhanh sang phương thức chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hình thức công nghiệp và bán công nghiệp.

- Trong nuôi trồng thủy sản: Tận dụng mặt nước sông, suối; chuyển diện tích ruộng nước có hiệu quả canh tác thấp sang nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế cao như cá Hồi, cá Tầm.

- Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững với quy mô hợp lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế rừng, trong đó ưu tiên phát triển rừng sản xuất.

- củng cố, mở rộng các cơ sở chế biến gắn với quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu; tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông, lâm sản cho nông dân; đẩy nhanh quá trình ứng dụng công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông, lâm sản.

* Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Hoàn thành việc quy hoạch và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn huyện. Bố trí hợp lý kế hoạch sử dụng đất ở các xã, thị trấn có dự án trọng điểm.

- Xây dựng các chương trình, dự án trọng điểm để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp như xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng trồng rau quả, hoa... theo quy trình công nghệ cao. Ứng dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất; chọn lọc và đưa vào sản xuất cây, con giống có năng suất cao, nhất là các giống con, cây trồng có sẵn ở tỉnh.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản, trong đó ưu tiên thủy lợi, giống cây, con, cơ sở chế biến nông, lâm sản và ngành nghề nông thôn.

- Phát triển kinh tế hộ, trong đó tập trung phát triển loại hình kinh tế trang trại hộ hoặc nhóm hộ có quy mô từ 1 ha trở lên.

- Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, khuyến lâm. Quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ khuyến nông, đặc biệt là khuyến nông xã; mở rộng hình thức khuyến nông tự nguyện.

- Huy động các nguồn vốn của các tổ chức xã hội, lồng ghép các nguồn lực để đầu tư cho phát triển nông, lâm nghiệp trên địa bàn, có cơ chế hỗ trợ đặc thù cho Sa Pa khai thác các lợi thế so sánh của huyện trong sản xuất rau, hoa, dược liệu, thủy sản (cá Tầm, cá Hồi).

4. Phát triển lĩnh vực văn hóa, xã hội

4.1. Giáo dục - đào tạo

* Mục tiêu và phương hướng phát triển:

- Giai đoạn 2011 - 2015, huy động trên 99,8% trẻ em trong độ tuổi được đi học; và 100% vào sau năm 2015.

- Duy trì vững chắc và nâng cao chất lượng, độ bền vững các tiêu chí phổ cập giáo dục: Phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở 18/18 xã, thị trấn.

- Đến năm 2015, phần đầu 44,5% số trường học đạt chuẩn quốc gia; đến năm 2020 đạt 100%.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý chuẩn về trình độ quản lý, trình độ lý luận chính trị, vững về chuyên môn; 100% cán bộ quản lý ứng dụng được công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục; 100% các đơn vị trường học xây dựng được các tổ Đảng trở lên.

- Phần đầu đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vào năm 2015; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở hàng năm tiếp tục học lên phổ thông trung học, bổ túc trung học phổ thông đạt 70 - 75% vào năm 2015; thành lập mới trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở & trung học phổ thông trên cơ sở nâng cấp trường phổ thông dân tộc nội trú huyện hiện nay; chuyển đổi một số trường tiểu học, trường trung học cơ sở có nhiều học sinh bán trú thành trường phổ thông dân tộc bán trú.

- Năm 2015 có trên 90% phòng học được xây dựng kiên cố và bán kiên cố; đến năm 2020, 100% phòng học được xây dựng kiên cố.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục và đào tạo, trước mắt là các địa phương có thể mạnh về kinh tế như thị trấn Sa Pa. Chuyển một số trường công lập thành trường ngoài công lập khi có điều kiện thích hợp. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường nội trú liên cấp, xây dựng các trường bán trú ở xã.

- Củng cố và phát triển mạng lưới trường lớp ở tất cả các cấp học, ngành học ở các vùng trong huyện nhằm tạo điều kiện cho học sinh các dân tộc thuận tiện trong

học tập. Chuyển một số trường tiểu học, THCS thành các trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Phát triển mạnh giáo dục mầm non công lập ở vùng dân tộc thiểu số, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; phát triển mầm non ngoài công lập ở nơi kinh tế - xã hội phát triển.

- Xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hội khuyến học từ các thôn bản đến xã.

- Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, đẩy mạnh phổ cập giáo dục THCS. Duy trì thành quả xóa mù và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; tiếp tục thực hiện chương trình phổ cập THCS.

- Tiếp tục đầu tư, củng cố cơ sở vật chất cho các trường mầm non nhằm thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và duy trì tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh con em đồng bào các dân tộc thiểu số của huyện.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ ở tất cả các ngành học; tiếp tục xây dựng đội ngũ giáo viên giỏi theo hướng nâng cao trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn; thu hút những cán bộ có trình độ cao về công tác tại huyện.

- Phối hợp mở các lớp bồi túc văn hoá cho cán bộ và nhân dân có nhu cầu học nghề về kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi đại gia súc, trồng rau an toàn, trồng và chế biến các cây công nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo dạy nghề. Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, mở rộng liên kết đào tạo nghề giữa huyện với các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh và ngoài tỉnh.

4.2. Y tế và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng

* Mục tiêu phát triển:

- Phấn đấu đến năm 2015, tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi giảm xuống dưới 2,7%, tiêm chủng đầy đủ trẻ em dưới 1 tuổi hàng năm đạt trên 98%; 100% phòng khám đa khoa khu vực được xây dựng kiên cố và có bác sĩ; 100% số trạm y tế được xây dựng kiên cố theo chuẩn quốc gia; khám, chữa bệnh bình quân trên 2,5 lần/người/năm; 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi xuống còn dưới 25%.

- Đến năm 2020, tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi giảm xuống dưới 1,5%; duy trì tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi hàng năm đạt trên 98%; duy trì 100% phòng khám đa khoa khu vực có bác sĩ hoạt động; khám, chữa bệnh bình quân trên 2,6 lần/người/năm; duy trì 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi xuống còn dưới 15%; có 100% các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tăng cường đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các cơ sở khám, chữa bệnh; cơ bản hoàn thành hệ thống khám, chữa bệnh từ tuyến huyện đến tuyến xã theo quy hoạch ngành.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chính sách cho các đối tượng chính sách, người nghèo, trẻ em.

- Nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn thông qua tăng cường công tác đào tạo nâng cao năng lực quản lý, kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và y đức cho cán bộ y tế từ tuyến huyện đến tuyến xã.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, biên chế và tài chính cho các đơn vị y tế công lập; khuyến khích các đơn vị y tế công lập mở rộng hoạt động dịch vụ và tăng cường liên doanh, liên kết.

- Đầu tư xây dựng nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện lên quy mô 150 giường bệnh; nâng cấp các Phòng khám đa khoa khu vực Thanh Phú, Bản Dền, Sa Pả, Ô Quý Hồ đảm bảo có trên 10 giường bệnh và các phòng chức năng đảm bảo đủ điều kiện khám chữa bệnh ban đầu; xây dựng nâng cấp các trạm y tế xã với quy mô 2 nhà cấp IV, 8 phòng.

- Thường xuyên duy trì các phong trào thi đua rèn luyện nâng cao đạo đức nghề nghiệp nhằm xây dựng đơn vị, bệnh viện xuất sắc toàn diện.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính trong các đơn vị sự nghiệp trong toàn ngành y tế.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục về chăm sóc sức khoẻ sinh sản - kế hoạch hóa gia đình. Tăng cường phối kết hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tham gia công tác dân số đạt hiệu quả cao.

4.3. Văn hoá, thông tin và thể dục, thể thao

* Mục tiêu phát triển:

- Mục tiêu phát triển dịch vụ văn hoá:

+ Đến năm 2015 tỷ lệ gia đình văn hoá là 70%; tỷ lệ thôn bản, tổ dân phố là 60%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học là 90%. Đến năm 2020 tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố là 70%.

+ Đến 2015, phần đầu 55% khu dân cư có nhà văn hoá thôn, bản được xây dựng đồng bộ, trong đó vùng đặc biệt khó khăn 30%. Đến năm 2020 tỷ lệ này là 95%, trong đó vùng đặc biệt khó khăn là 75%.

- Mục tiêu phát triển dịch vụ thể dục, thể thao (TDTT):

+ Đến năm 2015, có 45% số trường học có đủ giáo viên chuyên trách TDTT; có 80% hướng dẫn viên, cộng tác viên xã được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ TDTT; có 50% hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT thôn, bản được tập huấn nghiệp vụ. Đến năm 2020, các tỷ lệ này lần lượt: 80%; 95%; 85%.

+ Đến năm 2015, phần đầu 55% số xã được xây dựng các điểm tập luyện TDTT. Đến năm 2020, các tỷ lệ này là 85%.

+ Đến năm 2015, 40% nhu cầu dịch vụ TDTT được cung cấp bởi các cơ sở TDTT ngoài công lập; đến năm 2020, mục tiêu phần đầu đạt là 75%.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, thực hiện tốt cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá.

- Tăng cường đầu tư xây dựng các hệ thống thiết chế văn hoá, ưu tiên đầu tư cho các thiết chế văn hoá phục vụ cộng đồng như công viên, khu vui chơi giải trí, nhà thiếu nhi huyện, nhà văn hoá thôn, bản.

- Đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi công cộng gồm sân vận động trung tâm huyện, sân vận động Tả Giàng Phìn, Sa Pả, Thanh Phú, Sử Pán.

- Đẩy mạnh phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại; tăng cường xây dựng phong trào TDTT, chú trọng những nơi vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và thể thao học đường; đẩy mạnh công tác xã hội hoá hoạt động TDTT, nâng cao thể lực.

4.4. Phát thanh, truyền hình, tuyên truyền báo chí

- Nâng cao chất lượng, thời lượng phát thanh của huyện nhằm thực hiện tốt hơn nữa vai trò chuyển tải các chủ trương, chính sách, pháp luật của Trung ương, tỉnh và huyện đến với nhân dân và nâng cao đời sống tinh thần và dân trí của nhân dân.

- Đầu tư, nâng cấp đài phát thanh huyện; tiếp tục đầu tư, cấp máy phát hình và trạm truyền thanh không dây cho các trạm trung tâm xã, cụm xã.

- Phát thêm một số tiếng dân tộc, với số lượng 3 chương trình/tháng và phát tại các xã.

5. Phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội

5.1. Phát triển mạng lưới giao thông

* Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2015, 100% hệ thống giao thông huyện, đường liên xã, đường đến trung tâm các xã được nâng cấp chuẩn hoá, đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi láng nhựa.

- Đến 2015, trên 60% đường thôn, bản được rải cấp phối; đến năm 2020, phần đầu trên 95% đường thôn, bản được rải cấp phối và bê tông xi măng.

- Các trục đường chính của huyện, đường liên xã, đường đến trung tâm các cụm xã đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi, nền đường 6 m, mặt đường 3,5 m láng nhựa.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Giai đoạn 2011 - 2015, tập trung hoàn thiện, nâng cấp các tuyến đường tỉnh lộ: Sa Pa - Bản Dền (16 km), Bản Dền - Thanh Phú (8 km), Thanh Phú - Sín Chải (5 km), Sín Chải - Suối Thầu (5 km), Suối Thầu - Tả Thàng (Bảo Thắng) (8,7 km).

- Đầu tư hoàn thiện, nâng cấp hệ thống đường từ huyện đến trung tâm xã, các tuyến đường liên xã lên đường rải nhựa đạt tiêu chuẩn cấp V, bao gồm: Sa Pa - Tả Phìn (7 km), Sa Pa - Sín Chải (4,5 km), Thanh Phú - Nậm Cang (13 km), Bản Dền - Bản Phùng (13 km), tỉnh lộ - Bản Hồ (1,2 km), tỉnh Lộ - Sử Pán (1,2 km), tỉnh lộ - Tả Van (1 km), làm mới tuyến Cát Cát - Ý Linh Hồ - Lao Chải San 2 - Tả Van (10 km), nâng cấp tuyến Bản Khoang - Tả Phìn (13 km).

- Nâng cấp rải cấp phối hệ thống đường từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn, bản, đường liên xã để đến năm 2015 hoàn thiện các tuyến/18 xã, thị trấn với chiều dài 78,24 km.

- Đầu tư xây dựng mở mới và hoàn thiện mạng lưới đường từ trung tâm xã đến các thôn, bản để đến năm 2015 các tuyến sẽ hoàn thành 70% chiều dài toàn mạng giao thông liên thôn, bản được rải cấp phối, chống trơn; đến năm 2020, 95% chiều dài đường liên thôn, bản được rải cấp phối, chống trơn.

- Đến năm 2012, hoàn thiện xây dựng bến xe khách tại thị trấn Sa Pa; quy hoạch, xây dựng một số điểm đón, trả khách ở các trung tâm xã trên các trục giao thông chính trên địa bàn huyện.

- Đến năm 2015 hoàn thành xây dựng các điểm đỗ xe khách tại các xã: Thanh Phú, Tả Phìn, Tả Van, đầu dốc Bản Dền, Trung tâm xã Bản Hồ. Hoàn thành xây dựng Trung tâm Cứu hộ giao thông đường bộ tại thị trấn Sa Pa.

5.2. Phát triển hệ thống thủy lợi, cấp thoát nước sản xuất và sinh hoạt

* Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2015, xây dựng mới và nâng cấp các đầu mối kênh mương, kiên cố hoá đạt 90% và kiên cố hoá kênh mương 85%; đến năm 2020, 100% các công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng kiên cố.

- Đến năm 2015, đảm bảo tưới tiêu chủ động cho 75% diện tích lúa đông xuân, 85% diện tích vụ mùa và 85% diện tích trồng màu; đến năm 2020, đảm bảo tưới tiêu chủ động cho trên 95% diện tích lúa đông xuân, trên 100% diện tích vụ mùa và diện tích trồng màu.

- Đến năm 2015 đạt 95% dân số đô thị và 85% dân số nông thôn được dùng nước sạch và hợp vệ sinh. Đến năm 2020 tỷ lệ tương ứng là 100%.

* Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Rà soát, tiếp tục thực hiện kiên cố hoá kênh mương theo hướng trọng điểm, các công trình phục vụ diện tích tưới tiêu tập trung, các công trình đầu mối, công trình gắn với quy hoạch sắp xếp dân cư. Đầu tư, xây dựng các công trình thuỷ lợi mới ở vùng cao phục vụ tưới tiêu và cấp nước sinh hoạt cho nhân dân.

- Nâng cấp, tu bổ các công trình đang bị xuống cấp, xây dựng các hồ chứa nước vừa và nhỏ cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt dân cư.

- Đảm bảo duy trì cấp nước sinh hoạt cho toàn huyện, đặc biệt là vùng cao và địa bàn thiếu nguồn nước về mùa khô bằng các biện pháp tạo nguồn dự trữ nước, đường dẫn nước đảm bảo tối thiểu trong mùa khô 10 - 20 lít/người/ngày.

- Xây dựng mới Nhà máy Nước tại thị trấn Sa Pa, công suất 30.000 m³/ngày đêm để cung cấp nước cho thị trấn và các xã lân cận; quy hoạch xây dựng mới một số nhà máy nước tại các xã Tả Giàng Phìn, Sa Pả, Hầu Thào, Sử Pán.

5.3. Phát triển mạng lưới điện

- Cải tạo, nâng cấp đầu tư mới lưới 220KV, lưới 110KV, cụ thể: Đầu tư các Trạm Biến áp 220/110/35KV-2x125MVA tại các cụm TTCN thị trấn Sa Pa để cung cấp điện cho cụm TTCN.

- Tập trung xây dựng đường điện đến các thôn, bản chưa có điện lưới; xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới cấp điện cho các trung tâm đô thị (thị trấn, thị tứ, trung tâm cụm xã).

6. An ninh - quốc phòng

* Về công tác giữ gìn ANCT và trật tự ATXH:

- Tiếp tục thực hiện tốt có hiệu quả các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm; kế hoạch tổng thể phòng, chống ma tuý, chương trình phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tuần tra, kiểm soát, xử lý các trường hợp vi phạm nhằm làm giảm tai nạn giao thông.

- Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đoàn thể phục vụ có hiệu quả công tác phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm.

- Ổn định an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

* Về công tác quân sự - quốc phòng địa phương:

- Nâng cao chất lượng về giáo dục quốc phòng - an ninh toàn dân cho các đối tượng. Chăm lo xây dựng, nâng cao chất lượng tổng hợp của các lực lượng vũ trang địa phương, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống.

- Xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc trong khu vực phòng thủ tỉnh.
- Kết hợp chặt chẽ và có hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng tổ chức phát triển trung tâm kinh tế, trực, tuyến động lực phát triển kinh tế

- Vùng trung tâm, động lực phát triển kinh tế - xã hội là thị trấn Sa Pa và các xã phụ cận (San Sả Hồ, Sa Pả, Hầu Thào, Tả Phìn...) sẽ trở thành thị xã du lịch của tỉnh - đô thị cấp IV - vào năm 2015. Đây sẽ trở thành những trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, thương mại. Ngoài ra, phát triển một số trung tâm xã thành các thị trấn có tác dụng làm đòn bẩy phát triển kinh tế: Trung tâm các cụm xã Bản Khoang, Thanh Phú.

- Hành lang đô thị công nghiệp, dịch vụ thương mại và du lịch bao gồm các đô thị: Thị trấn Sa Pa - Tả Giàng Phìn; thị trấn Sa Pa - Hầu Thào - Sủ Pán - Bản Hồ.

2. Phát triển hệ thống đô thị, bố trí dân cư, nông thôn mới

2.1. Về phát triển hệ thống đô thị:

- Nâng cấp, mở rộng, phát triển thị trấn Sa Pa trở thành thị xã du lịch Sa Pa của tỉnh vào sau năm 2015 (đô thị loại IV).

- Xây dựng Trung tâm cụm xã Thanh Phú thành thị trấn.

- Phát triển nâng cấp thêm 02 thị tứ từ các trung tâm xã bao gồm: Trung tâm xã Tả Giàng Phìn (vào năm 2015), xã Trung Chải (vào năm 2020).

2.2. Về các vùng dân cư nông thôn:

- Xây dựng các trung tâm cụm xã, các xã vùng sâu, vùng xa gắn với việc bố trí lại dân cư trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác sắp xếp bố trí lại dân cư, nhất là các xã vùng cao, đặc biệt khó khăn để ổn định sản xuất và đời sống cho nhân dân, phát triển sản xuất phù hợp với từng địa phương.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, tập trung vào đường giao thông liên thôn, hệ thống thuỷ lợi, cấp điện và nước sinh hoạt... tạo điều kiện thuận lợi để người dân khu vực nông thôn phát triển sản xuất.

3. Phương hướng tổ chức không gian ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản

- Quy hoạch duy trì vùng sản xuất lúa ở các xã: Thanh Phú, Nậm Sài, Nậm Cang, Bản Hồ.

- Quy hoạch mở rộng diện tích một số cây lương thực tạo đầu vào cho chăn nuôi và công nghiệp chế biến như đậu tương (Thanh Phú, Nậm Sài, Tả Van, Bản Hồ), khoai tây (Tả Van, Bản Khoang, San Sả Hồ, Sa Pả).

- Quy hoạch vùng trồng rau an toàn, rau đặc sản ở Sa Pa, Tả Phìn, Bản Khoang, San Sả Hồ.

- Quy hoạch mở rộng quy mô vùng sản xuất các loại cây ăn quả, cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như chè chất lượng cao (thị trấn Sa Pa, Tả Giàng Phìn); cây ăn quả (thị trấn Sa Pa, Tả Phìn, Sa Pa).

- Mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản đến năm 2015 đạt trên 20 ha và trên 30 ha vào năm 2020 ở thị trấn Sa Pa, xã San Sả Hồ, Bản Khoang, Tả Phìn, Thanh Phú, Lao Chải, Tả Van...

- Phát triển chương trình lâm nghiệp vùng núi đất kết hợp phát triển rừng sản xuất với rừng phòng hộ; chương trình lâm nghiệp vùng núi đá chủ yếu là khoanh nuôi tái sinh rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; chương trình lâm nghiệp vùng bình địa xây dựng vốn rừng và sản xuất ra các sản phẩm lâm sản... góp phần xóa đói, giảm nghèo và bảo vệ đất đai, môi trường sinh thái.

4. Phương hướng tổ chức không gian phát triển công nghiệp

- Phát triển các cụm TTCN của huyện gắn với hệ thống khu, cụm công nghiệp của tỉnh. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào các cụm TTCN gắn với bảo vệ môi trường.

- Các cụm TTCN phục vụ hoạt động chế biến nông, lâm và thủy sản được bố trí gần hoặc trong vùng có nguyên liệu.

- Các cụm TTCN thu hút các cơ sở thuê, dệt, may hàng thủ công... được bố trí gần vùng dân cư đông đúc.

- Giai đoạn 2011 - 2015: Tập trung đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng và lấp đầy cụm TTCN Sa Pa; quy hoạch và triển khai xây dựng mới cụm TTCN Tả Phìn.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Quy hoạch thêm 01 cụm TTCN gắn với các trục giao thông chính (QL 4D).

5. Phương hướng tổ chức không gian ngành thương mại

5.1. Quy hoạch mạng lưới trung tâm thương mại (TTTM), siêu thị, cửa hàng tổng hợp:

- Trung tâm thương mại: Đến năm 2015, đầu tư xây dựng 01 trung tâm thương mại tại thị trấn Sa Pa; đến năm 2020, phát triển thêm các trung tâm thương mại ở các thị trấn, Thanh Phú.

- Siêu thị: Giai đoạn 2011 - 2015, phát triển siêu thị tại các khu vực đô thị tập trung dân cư (thị trấn Sa Pa và một số trung tâm cụm xã); giai đoạn 2016 - 2020, các thị trấn, các trung tâm cụm xã đều có siêu thị đạt chuẩn.

- Hệ thống chợ: Thực hiện kiên cố hoá hệ thống chợ, đến năm 2015 cơ bản xoá các chợ tạm; hình thành và phát triển mạng lưới chợ theo chức năng; ưu tiên phát triển

mạng lưới chợ trung tâm huyện, trung tâm cụm xã. Giai đoạn 2016 - 2020, cải tạo nâng cấp các chợ đang hoạt động, phát triển thêm chợ mới đảm bảo ít nhất mỗi xã có 01 chợ đạt tiêu chuẩn.

- Cửa hàng kinh doanh tổng hợp:

+ Đối với khu vực đô thị: Giai đoạn 2011 - 2015, phát triển nâng cao chất lượng hệ thống cửa hàng, chất lượng dịch vụ bán hàng; giai đoạn 2016 - 2020, cơ bản hình thành hệ thống cửa hàng thương mại với quy mô, phương thức phục vụ và hàng hoá chất lượng cao (các cửa hàng tự chọn, chuyên doanh).

+ Đối với khu vực nông thôn, miền núi: Tiếp tục đầu tư phát triển mạng lưới các cửa hàng thương nghiệp gắn với hoạt động của các hợp tác xã dịch vụ thương mại và các chợ trung tâm xã.

5.2. Quy hoạch lò giết mổ gia súc, gia cầm:

Đến năm 2015, xây dựng 1 lò giết mổ gia súc, gia cầm ở khu vực ngoại ô của thị trấn Sa Pa. Đến năm 2020, xây dựng các lò giết mổ ở các trung tâm cụm xã, thị trấn. Quy mô của một lò giết mổ có diện tích từ 1.000 m² trở lên, xây dựng kiên cố, có đường giao thông ra vào thuận tiện, có bãi để các phương tiện vận chuyển.

5.3. Quy hoạch mạng lưới xăng dầu:

Cải tạo, nâng cấp các cửa hàng xăng dầu hiện có, đầu tư mới các cửa hàng xăng dầu theo quy hoạch; đầu tư hoàn thiện xây dựng 03 cây xăng ở Ô Quý Hồ, khu vực Bản Dền, khu vực xã Thanh Phú.

6. Phương hướng tổ chức không gian phát triển du lịch

- Các tuyến nội huyện: Sa Pa - Má Tra - Tả Phìn - Sa Pa; Sa Pa - Hang Đá (xã Hầu Thào) - Sâu Chua - Giàng Tra (Sa Pả) - Mà Len (Sa Pả) - Tả Phìn - Sa Pa; Sa Pa - Sín Chải - Sa Pa; Sa Pa - Lao Chải - Tả Van - Sa Pa; Sa Pa - Phan Xi Păng (Vườn Quốc gia Hoàng Liên); Sa Pa - Trạm Tôn - Suối Vàng - Thác Tình Yêu - Sa Pa; Sa Pa - Trạm Tôn - Rừng già thác Bạc - Sa Pa; Sa Pa - Bản Dền - Bản Hồ - Sa Pa.

- Các tuyến du lịch liên huyện: Sa Pa - Bản Khoang - Tả Giàng Phìn - Mường Hum - Ý Tý (Bát Xát); Sa Pa - Sín Chải (Thanh Phú) - Bến Dền - Suối Thầu - Bảo Thắng; Sa Pa - Si Ma Cai - thành phố Lào Cai; Sa Pa - Mường Khương - Pha Long - Cán Cấu (Si Ma Cai) - Sa Pa - Cốc Ly - TP Lào Cai - Sa Pa.

- Tuyến du lịch liên tỉnh/thành phố: Sa Pa - huyện Tam Đường (Lai Châu) - Điện Biên - Sơn La - Hà Nội; Sa Pa - Hà Khẩu - Bình Biên - Côn Minh (Vân Nam - Trung Quốc).

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về vốn đầu tư phát triển

- Tăng thu thuế và phí vào ngân sách; nuôi dưỡng nguồn thu và tạo nguồn thu mới, khai thác triệt để các nguồn thu.

- Đa dạng hoá các hình thức huy động và tạo vốn trong huyện, huy động tối đa nguồn lực sẵn có của huyện và thu hút vốn trong nước, đặc biệt là của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn. Vốn đầu tư từ ngân sách huyện và tỉnh chủ yếu dành cho phát triển kết cấu hạ tầng.

- Khai thác tối đa nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ của tỉnh và Trung ương vào phát triển các ngành quan trọng và có lợi thế: Du lịch, tiểu thủ công nghiệp, nông, lâm sản, cơ sở hạ tầng.

- Tạo thêm nguồn vốn từ quỹ đất thông qua việc thực hiện cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất để thu hút các nguồn vốn vào xây dựng kết cấu hạ tầng, khu du lịch, cụm TTCN....

- Đẩy mạnh huy động các nguồn lực, nhất là của các doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện.

- Chuẩn bị các dự án khả thi để thu hút các nguồn vốn FDI vào các lĩnh vực, dự án ưu tiên đầu tư để mở rộng sản xuất, tranh thủ tiếp nhận công nghệ, kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

- Huy động nhiều nguồn vốn và sử dụng có hiệu quả, xử lý đồng bộ các nguồn vốn trung hạn và dài hạn để đảm bảo sản xuất ổn định và phát triển.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá trong đầu tư, đặc biệt là trong lĩnh vực văn hóa, xã hội. Vận dụng lồng ghép các nguồn từ chương trình mục tiêu quốc gia, của tỉnh và huyện để đầu tư cho từng hạng mục ngành nghề.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; chú trọng đào tạo, dạy nghề cho người lao động. Lập kế hoạch, hỗ trợ tích cực và mở rộng hơn nữa việc đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ lao động.

- Có chính sách thoả đáng về tiền lương, nhà ở nhằm thu hút cán bộ kinh tế, khoa học kỹ thuật, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề, các nghệ nhân về huyện xây dựng và phát triển kinh tế.

- Tạo sự liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan tư vấn, các doanh nghiệp với các trường đại học, các cơ sở đào tạo công nhân kỹ thuật để hỗ trợ nhau trong vấn đề đào tạo, cung ứng, sử dụng nhân lực có hiệu quả.

- Có kế hoạch cập nhật kiến thức mới về tiến bộ khoa học công nghệ cho đội ngũ công nhân trên địa bàn huyện; điều chỉnh phân công lao động hợp lý, khuyến khích người lao động được tham gia học tập.

- Trẻ hoá đội ngũ cán bộ quản lý ngành, tạo điều kiện tham quan, học tập, giao lưu với nước ngoài để kịp thời nắm bắt các thông tin về thị trường, công nghệ... đáp ứng yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá về giáo dục, huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển đào tạo nghề và giáo dục.

3. Giải pháp phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất, thay thế các thiết bị lạc hậu, đồng bộ hoá công nghệ đi đôi với bảo vệ môi trường.

- Đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của huyện. Đào tạo lại đội ngũ cán bộ khoa học trong các lĩnh vực công nghệ, quản trị, kinh doanh, bảo vệ môi trường.

- Liên kết các viện nghiên cứu, các trường đại học, hỗ trợ kinh phí cho các công trình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

- Kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới công nghệ và bảo vệ môi trường. Cần có quy hoạch chung về hệ thống xử lý rác thải công nghiệp và rác sinh hoạt.

- Khai thác gắn với bảo vệ tài nguyên giữ gìn môi trường sinh thái. Có quy chế để bảo vệ môi trường đô thị, các khu du lịch một cách cụ thể, khoa học ở các khu dân cư tập trung, các nhà máy công nghiệp, cụm TTCN.

4. Giải pháp tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước

- Thực hiện tốt các nhóm chính sách về phát triển nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nhóm chính sách về phát triển xã hội.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương, Chính phủ và của tỉnh về cải cách hành chính, coi đây là bước đột phá quan trọng góp phần thúc đẩy và thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống chính trị các cấp. Phối hợp trong chỉ đạo, điều hành thực hiện quy hoạch, kế hoạch.

- Phối hợp trong xây dựng, cung cấp thông tin phục vụ cho công tác dự báo; trong đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Phối hợp trong xúc tiến đầu tư và thu hút đầu tư phát triển.

5. Các giải pháp tăng cường xoá đói, giảm nghèo

Thực hiện tốt các chính sách, biện pháp trợ giúp phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người nghèo, các chính sách cho người có công, bảo trợ xã hội, phòng chống tai, tệ nạn xã hội... theo hướng xã hội hoá thông qua các chương trình xây dựng quỹ do nhân dân và các tổ chức kinh tế - xã hội đóng góp.

6. Giải pháp tăng cường mở rộng kinh tế đối ngoại

- Hợp tác trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị: Phối hợp xây dựng các tuyến giao thông, hệ thống thủy lợi.

- Hợp tác, phối hợp trong quy hoạch các cụm TTCN, cung cấp dịch vụ, nguồn nguyên liệu và thị trường.

- Hợp tác về trao đổi thông tin và xúc tiến thương mại, tổ chức các cuộc hội chợ, triển lãm; phối hợp tuyên truyền và quảng bá du lịch, xây dựng các tour du lịch.

- Hợp tác xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, tìm kiếm thị trường tiêu thụ hoặc xuất khẩu nông sản hàng hoá, sản xuất giống cây trồng và con vật nuôi chất lượng cao.

- Hợp tác đào tạo đại học, đào tạo nghề cho người lao động.

7. Tăng cường an ninh - quốc phòng

- Thực hiện tốt chiến lược quốc phòng - an ninh; phát động phong trào quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc; kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh - quốc phòng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật trong cán bộ, nhân dân; công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự trên địa bàn; kiên quyết trấn áp và xử lý các loại tội phạm.

- Đẩy mạnh công tác nắm bắt tình hình cơ sở, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân nhằm tạo niềm tin và môi trường xã hội an toàn, trong sạch.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT QUY HOẠCH

- Tổ chức công bố, phổ biến quy hoạch cho tất cả các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong huyện.

- Tổ chức giới thiệu, quảng bá các dự án ưu tiên để các nhà đầu tư nghiên cứu, đầu tư.

- Trên cơ sở các mục tiêu quy hoạch, xây dựng chương trình hành động, từng bước thực hiện đạt mục tiêu quy hoạch.

- Xây dựng một số chương trình sản phẩm chủ lực của huyện và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, tạo động lực mới cho phát triển sản xuất - kinh doanh của nhân dân; khuyến khích, ưu đãi đối với việc phát triển sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chủ lực này về thị trường, vốn, đất đai.

- Từng bước cụ thể hóa công tác quy hoạch và đưa vào các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện. Ngoài ra, tùy theo sự thay đổi của tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, dự án quy hoạch tổng thể của huyện cần được bổ sung, chỉnh lý cho phù hợp với quá trình phát triển.

- Kiểm tra, giám sát và điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 2. Giao UBND huyện Sa Pa căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã, thị trấn; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực để bảo đảm sự phát triển tổng thể và đồng bộ.

2. Lập các kế hoạch 5 năm, hàng năm; các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trọng điểm; các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, bố trí ưu tiên đầu tư một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Giao các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, hỗ trợ UBND huyện Sa Pa nghiên cứu lập các quy hoạch nêu tại Điểm 1 Điều 2; nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Sa Pa trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của huyện Sa Pa đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến sẽ được đầu tư nêu trong Quy hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh

DANH MỤC
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA PA ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Dan h mục
I	Các Phương án Quy hoạch
1	Quy hoạch Trung tâm xã Sa Pả, San Sả Hồ, Lao Chải, Hầu Thào, Bản Hồ, Tả Van, Tả Giàng Phìn, Sủ Pán, Thanh Kim, Bản Phùng, Suối Thầu, Nậm Sài
2	Quy hoạch xây dựng đô thị mở rộng trị trấn Sa Pa
3	Quy hoạch phát triển đô thị Sa Pa
II	Quản lý nhà nước
1	Xây mới trụ sở UBND xã San Sả Hồ
2	Nâng cấp trụ sở UBND huyện
3	Trụ sở UBND phường Thạch Sơn, Xuân Viên, Hàm Rồng, Cầu Mây, Thác Bạc
4	Khu hành chính (huyện mới)
5	Trụ sở Công an phường Thạch Sơn, Xuân Viên, Hàm Rồng, Cầu Mây, Thác Bạc
III	Các DA Xây dựng cơ sở HT đô thị
1	Lập quy hoạch chi tiết khu Đông Bắc mở rộng thị trấn Sa Pa về phía Tả Phìn
2	Thực hiện dự án KDC Vườn Đào, Đồi Vi ô lét
3	San tạo MB khu tái định cư Đông Bắc
4	Lập quy hoạch chi tiết tổ 11 - 13 thị trấn
5	QH khu công nghiệp, tiểu thủ CN
6	Trung tâm Dạy nghề huyện
7	Nhà máy Xử lý rác thải (huyện mới)
8	Trung tâm Cai nghiện cộng đồng
IV	Cấp điện
1	Đường điện thôn Sín Chải
2	Cấp điện 3 thôn xã Sa Pả (Suối Hồ, Sả Sếng, Giàng Tra)
3	Cấp điện 5 thôn xã Lao Chải (Lò Lao Chải, Lao Chải San I, Lao Chải San II, Lý Lao Chải, Lao Hàng Chải)
4	Cấp điện thôn Lủ Khấu, xã Tả Phìn
5	Hệ thống chiếu sáng đường nội thị (huyện mới)
V	Giao thông
1	Đường vào khu dân cư thôn Lý Lao Chải
2	Đường dân sinh tổ 9a đoạn nối xuống đầu nhà nghỉ giao thông, xuống đường đi Victo (TT Sa Pa)
3	Đường dân sinh tổ 9b đoạn đường phố Xuân Hồ nối lên đường 4D (TT Sa Pa)

4	Rải cấp phối đường Lũ Khẩu - Sín Chải (Bản Khoang)
5	Rải cấp phối đường Gia Khẩu - Kim Ngài - Xà Chải (Bản Khoang)
6	Đường lên trường học thôn Lũ Khẩu (Bản Khoang)
7	Đường đi Nậm Si (Bản Phùng)
8	Đường đi Nậm Nhù (NC-CP) (Nậm Sài)
9	Đường đi Nậm Cúm (Thanh Phú)
10	Đường đi Thào Hồng Dền làm mới + cấp phối
11	Làm mới + cấp phối đường Nậm Nhù - Nậm Than (Nậm Sài)
12	MR + RCP 4 km đường Nậm Cang (Nậm Sài)
13	Làm mới đường Bản Khoang đi Tả Phìn (Bản Khoang)
14	Đường đi thôn Bản Toong xã Bản Phùng
15	Đường đi thôn Hũa Sủ Pán (Sủ Pán)
16	Đường đi Đội 1 - Tả Phìn (Tả Phìn)
17	Đường đi thôn Nậm Cúm (Thanh Phú)
18	Đường đi Chu Lìn 1 (Trung Chải)
19	Cầu Sín Chải xã Bản Khoang
20	Cầu Giàng Tra - xã Sa Pả
21	Cầu treo thôn Lao Chải San II
22	Đường dân sinh tổ dân phố số 1 (TT Sa Pa)
23	Đường Suối Hồ - Khu Đông Bắc (TT Sa Pa)
24	Đường Thanh Phú - Nậm Mạt
25	Cầu treo Đội 8 sang Đội 9 thôn Lũ Khẩu (Tả Phìn)
26	Đường Cát Cát - Ý Linh Hồ - Lao Chải San 2 (San Sả Hồ)
27	Đường đô thị, thị trấn Sa Pa
28	Đường liên xã
29	Đường liên thôn
30	Đường từ cầu Km 31 đi Hàu Thào
31	Nâng cấp đường Hàu Thào - cầu Thanh Phú
32	Đường lật cánh QL 4D từ Km 31 Lào Cai - Sa Pa qua thôn Suối Hồ xã Sa Pả đến Km 6 -7 đoạn Sa Pa - Ô Quý Hồ
33	Sân bay lên thẳng Đồi Dù
34	Rải nhựa đường Má Tra - Suối Hồ (Sa Pả)
35	Đường nội thị (huyện mới)
36	Cầu treo Đội 7 thôn Suối Thầu (Tả Phìn)
VI	Nông nghiệp và PTNT
1	Thủy lợi Múng Sến 2 (Trung Chải)
2	Nâng cấp S/C thủy lợi Cửa Cải - Can Hồ (Bản Khoang)

3	Nâng cấp S/C thủy lợi Lự Khẩu - Suối Thầu (Bản Khoang)
4	Thủy lợi Kim Ngan, Phìn Hồ, Sà Chải, Gia Khẩu (Bản Khoang)
5	Nâng cấp S/C thủy lợi Lò Lao Chải (Lao Chải)
6	Nâng cấp S/C thủy lợi Đội 4 Chu Lìn (Trung Chải)
7	Thủy lợi Khu sân bay Chu Lìn 1 (Trung Chải)
8	Nâng cấp S/C thủy lợi Lý Lao Chải (Lao Chải)
9	05 công trình thủy lợi (Suối Hồ 1, Giàng Tra, Suối Hồ 3, Sả Sộng, Sâu Chua)
10	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Suối Thầu 1- thôn Bản Pho (Suối Thầu)
11	Nâng cấp S/C thủy lợi Ý Linh Hồ (San Sả Hồ)
12	Nâng cấp S/C thủy lợi Nậm Si (Bản Phùng)
13	Nâng cấp S/C thủy lợi Bản Dền (Bản Hồ)
14	Nâng cấp S/C thủy lợi Cốc Bút (Thanh Phú)
15	Thủy lợi Đội 4 Sả Sóng (Tả Phìn)
16	Thủy lợi thôn Lao Chải San 1, Lò Lao Chải (Lao Chải)
17	Nâng cấp S/C thủy lợi Hoà Sử Pán 1 (Sử Pán)
18	Thủy lợi Xà Chải, Phìn Hồ (Bản Khoang)
19	Nâng cấp thủy lợi Má Tra (Sa Pả)
20	Thủy lợi thôn Sả Sóng (Tả Phìn)
21	Thủy lợi Suối Hồ (Sa Pả)
VII	Cấp nước
1	CNSH 04 thôn xã Bản Khoang (Gia Khẩu, Phìn Hồ, Sín Chải, Xà Chải)
2	CNSH 03 thôn xã Lao Chải (Hàng Chải, Lò Lao Chải, Lao Chải San 1)
3	CNSH Vù Lùng Sung (Đội ông Vần) (xã Trung Chải)
4	CNSH 02 khu dân (Giàng Tra, Sa Pả) và 01 thôn (Suối Hồ) xã Sa Pả
5	CNSH 04 thôn xã Tả Phìn (Tả Chải, Suối Thầu, Sả Sóng)
6	Nhà máy Nước (huyện mới)
7	CNSH (huyện mới)
8	Nhà máy Xử lý nước thải (huyện mới)
VIII	Giáo dục - đào tạo
1	MN Bản Khoang
2	MN Trung Chải
3	MN Tả Phìn
4	MN San Sả Hồ
5	MN Tả Van
6	MN Bản Phùng
7	MN Nậm Sài

8	MN Trung Chải
9	MN Hầu Thào
10	MN Bản Hồ
11	MN Suối Thầu
12	MN Suối Thầu
13	MN Suối Thầu
14	Tiểu học Bản Khoang I
15	Tiểu học Bản Khoang
16	Tiểu học Bản Khoang
17	Tiểu học Bản Khoang
18	Tiểu học Sa Pả II
19	Tiểu học Sa Pả
20	Tiểu học Sa Pả
21	Tiểu học San Sả Hồ II
22	Tiểu học Lao Chải
23	Tiểu học Tả Van
24	Tiểu học Tả Van
25	Tiểu học Bản Phùng
26	Tiểu học Bản Hồ
27	Tiểu học Bản Hồ
28	Tiểu học Bản Hồ
29	Tiểu học Suối Thầu
30	Tiểu học Suối Thầu
31	Tiểu học Suối Thầu
32	Tiểu học Bản Phùng
33	THCS San Sả Hồ
34	THCS Sa Pả
35	Nhà chức năng Trường TH Tả Phìn
36	Nhà chức năng Trường THCS Tả Van
37	Nhà chức năng Trường THCS Nậm Sài
38	Nhà chức năng Trường MN Sủ Pán
39	Phòng học Trường Kim Đồng
40	Nhà chức năng Trường THCS Kim Đồng
41	Xây dựng Trường THPT số 1 huyện
42	Xây dựng Trường Phổ thông DTNT huyện
43	Nhà chức năng Trường TH Sa Pả II

44	Mầm non thị trấn
45	Mầm non Ô Quý Hồ
46	Mầm non Nậm Cang
47	Tiểu học Lao Chải
48	Tiểu học Hâu Thào
49	THCS Bản Hồ
50	PTDT NT
51	THCS Bản Khoang
52	Tiểu học Sử Pán
53	Trường MN thôn Tà Chải
54	Mẫu giáo Nậm Sài
55	Mẫu giáo Sa Pả
56	Mẫu giáo Lao Chải
57	Tiểu học Sa Pả II
58	Tiểu học Tả Van
59	THCS Thanh Kim
60	Tiểu học Bản Hồ
61	Tiểu học Nậm Sài
62	Mẫu giáo Trung Chải
63	Mẫu giáo Bản Phùng
64	Mẫu giáo Bản Hồ
65	Mẫu giáo Hâu Thào
66	THCS Sử Pán
67	PTCS Võ Thị Sáu
68	PTCS Lê Văn Tám
69	THCS San Sả Hồ
70	Tiểu học Thanh Kim
71	Mẫu giáo Thanh Kim
72	Mẫu giáo Tả Van
73	Tiểu học San Sả Hồ I
74	THCS Tả Phìn
75	Tiểu học Bản Khoang I
76	Tiểu học Sa Pả
77	THCS Hâu Thào
78	THCS Sa Pả
79	THCS Suối Thầu

80	THCS Trung Chải
IX	Y tế - dịch vụ xã hội
1	Trạm Y tế 08 xã (Suối Thầu, Lao Chải, San Sả Hồ, Trung Chải, Hầu Thào, Sa Pả, Tả Van, Bản Khoang)
X	Văn hoá - Thông tin - Thể dục, thể thao
1	Nhà văn hoá cộng đồng tổ dân phố 9c, 10, 11 thị trấn Sa Pa
2	Nhà văn hoá 05 phường huyện Sa Pa (Xuân Viên, Hàm Rồng, Cầu Mây, Thác Bạc, Thạch Sơn)
3	Sân vận động Mỹ Sơn (huyện mới)

* **Ghi chú:** Về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng thời kỳ.